

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày 16 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tố.

Ông Cao Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Thị A, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1973 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Xuân C, sinh năm 1954 và bà Đặng Thị L (chết); chồng: Bùi Sĩ T, sinh năm 1972 và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994; tiền án: Ngày 29/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 04/01/2023 (án tích chưa được xóa), tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/11/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản, đã nộp phạt xong (tiền sự đã được xóa); bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 09/5/2023, có mặt.

2. Bùi Sĩ T, sinh ngày 03 tháng 8 năm 1972 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (chết) và bà Huỳnh Thị H, sinh năm

1953; vợ: Huỳnh Thị A, sinh năm 1973 và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

3. Bùi Thị L, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1991 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Sĩ T, sinh năm 1972 và bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1973; chồng: Trần Công N, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

4. Trương Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1963 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương C (chết) và bà Trần Thị H (chết); chồng: Nguyễn Ngọc N (chết) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Ngày 26/10/2022, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (đang chấp hành án); tiền sự: Không, bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

** Bị hại:*

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã N, tỉnh Bình Định.

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố T, phường B, thị xã N, tỉnh Bình Định.

** Những người được tòa án triệu tập:*

- Ông Trần Đình A, sinh năm 1963; địa chỉ: 12 T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Bà Võ Thị Như P, sinh năm 1969; địa chỉ: 12 T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Chị Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: 129 T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Bà Cao Thị Ngọc P, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Bà Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố x, phường S, thị xã N, tỉnh Bình Định.

- Anh Hoàng Duy L, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Chị Phan Mai L, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/5/2023, Huỳnh Thị A điều khiển xe mô tô biển số 77M4-21xx đến địa bàn thị xã N, tỉnh Bình Định để trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà của bà Ngô Thị H ở Khu phố T, phường B, thị xã N, tỉnh Bình Định, A thấy cổng ngõ và cửa phía trước nhà không đóng nên A để xe mô tô gần hàng rào, đi vào trong nhà, thấy trên bàn gỗ trước tủ thờ có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 màu đen liền lén lút bỏ vào túi áo khoác rồi tẩu thoát. Trên đường về, A tháo thẻ sim vứt xuống đường. Đến ngày 07/5/2023, A đưa điện thoại trộm được cho chồng là Bùi Sĩ T sử dụng. T không biết nguồn gốc điện thoại trên là do A trộm cắp mà có.

Đến 05 giờ 40 phút ngày 08/5/2023, Huỳnh Thị A tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 77M4-21xx đến địa bàn thị xã N để trộm cắp tài sản. Khi đi, A mang theo 06 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng. Đến 07 giờ 10 phút cùng ngày, A đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị T ở thôn A, xã C, thị xã N, tỉnh Bình Định, thấy cửa phòng lòi khep hờ, không có ai trông coi nên đi vào trộm cắp tài sản. A xuống bếp lấy 01 thanh sắt dài khoảng 50 cm cạy cửa phòng ngủ, lấy trộm tài sản gồm: 01 sợi dây chuyền, loại vàng 95%, dạng mắc xích vuông, không có mặt dây, có khối lượng 4,99 chỉ; 02 chiếc lắc có đặc điểm tương tự nhau, loại vàng 95%, mỗi lắc có gắn 04 hộp dạng vuông, tổng khối lượng của 02 lắc là 6,98 chỉ; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, có khối lượng 2 chỉ, bên trong có khắc chữ “Ngọc Huy”; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, có khối lượng 2 chỉ, bên trong có khắc chữ “Quang Thái”; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ, bên trong có khắc chữ “Ngọc Huy”; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ, bên trong có khắc chữ “Quang Thái” và số tiền 20.000.000 đồng, rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Khoảng 08 giờ 30 phút, A đến nhà gặp Trương Thị N, nhờ N bán giúp: 01 sợi dây chuyền, loại vàng 95%, dạng mắc xích vuông, có khối lượng 4,99 chỉ; 02 chiếc lắc có đặc điểm tương tự nhau, loại vàng 95%, mỗi lắc có gắn 04 hộp dạng vuông, tổng khối lượng của 02 lắc là 6,98 chỉ; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, có khối lượng 2 chỉ, bên trong có khắc chữ “Ngọc Huy”; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 1 chỉ, bên trong có khắc chữ “Ngọc

Huy”; 02 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77L2-052.xx đến hiệu vàng A ở số 12 T, thị trấn H, huyện A bán số vàng nêu trên được số tiền 75.850.000 đồng, còn lại 02 nhẫn tròn kim loại màu vàng không bán được vì là vàng giả. N sử dụng số tiền bán vàng mua 01 sợi dây chuyền, 02 đôi hoa tai cho con gái N là Nguyễn Thị Tường V và 01 đôi hoa tai để N sử dụng, tổng số tiền 24.050.000 đồng, trả nợ cho chủ hiệu vàng là ông Trần Đình A số tiền 1.000.000 đồng. N đưa cho A số tiền 50.800.000 đồng và trả lại chiếc 02 nhẫn vàng giả. Trương Thị N biết rõ số vàng A đưa là do trộm cắp mà có nhưng A vẫn đồng ý bán giúp A để trừ nợ.

A về nhà đưa cho Bùi Sĩ T 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, có khối lượng 02 chỉ, bên trong có khắc chữ “Quang Thái”; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ, bên trong có khắc chữ “Quang Thái”; 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 1 chỉ và nói: “Đem đi bán lấy tiền trả nợ”. T hỏi lại: “Vàng ở đâu?”, A nói: “Tui đi ăn cắp của nẫu”. T đem số vàng nói trên đến hiệu vàng A bán 01 nhẫn trơn, loại vàng 9999, khối lượng 02 chỉ được số tiền 11.000.000 đồng; đến hiệu vàng H của ông Lê Văn Đ ở 129 T, thị trấn H, huyện A bán số vàng còn lại được số tiền 10.400.000 đồng và đem tổng số tiền 21.400.000 đồng đưa cho A.

Trong lúc T đi bán vàng, A đi ra sau bếp đưa cho L số tiền 20.000.000 đồng và nói: “Cầm hai mươi triệu cất cho mẹ”. Mặc dù, nhận thức được số tiền 20.000.000 đồng A đưa cho mình là trộm cắp có được nhưng L vẫn cầm và mang cất giấu phía dưới thùng chứa nước phía sau nhà.

Sau khi nhận tiền bán vàng từ N và T, A cho L 4.800.000 đồng, L biết số tiền này là từ việc bán vàng do trộm cắp mà có nhưng vẫn nhận và đem cất giấu tại nhà; trả cho H (không rõ lai lịch) 1.000.000 đồng; cho N 400.000 đồng; trả cho Phạm Thị Hồng V 23.400.000 đồng; trả cho Cao Thị Ngọc P 4.000.000 đồng; đưa cho T 2.000.000 đồng, T sửa điện thoại tại tiệm của Hoàng Duy L hết 850.000 đồng, còn lại 1.150.000 đồng tiêu xài cá nhân; trả cho Phan Mai L 5.000.000 đồng; trả cho Phạm Thị H 29.400.000 đồng; còn lại số tiền 2.200.000 đồng, A tiêu xài cá nhân 600.000 và cất tại nhà 1.600.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 33/HĐĐGTS ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã N, tại thời điểm mất trộm ngày 06/5/2023: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy A51, màu đen, số IMEI1: 354595383806230, số IMEI2: 355078743806231, mặt kính trước của màn hình bị vỡ thành 02 đường có giá trị 1.500.000 đồng; 01 sim điện thoại Viettel có giá 50.000 đồng; tổng giá trị thiệt hại là 1.550.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 38/HĐĐGTS ngày 16/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã N, tại thời điểm mất trộm ngày 08/5/2023:

+ 01 sợi dây chuyền, loại vàng 95%, dạng mắc xích vuông, không có mặt dây có khối lượng 4,99 chỉ, có giá trị 26.347.200 đồng;

+ 02 chiếc lắc có đặc điểm tương tự nhau, loại vàng 95%, mỗi lắc có gắn 04 hộp dạng vuông, tổng khối lượng của 02 lắc là 6,98 chỉ, có giá trị 36.854.400 đồng;

+ 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, có khối lượng 02 chỉ, có giá trị 11.120.000 đồng;

+ 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 9999, có khối lượng 02 chỉ, bên trong có khắc chữ “Quang Thái”, có giá trị 11.120.000 đồng;

+ 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ, có giá trị 5.280.000 đồng;

+ 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ, bên trong có khắc chữ “Quang Thái”, có giá trị 5.280.000 đồng;

+ 01 nhẫn vàng trơn, loại vàng 95%, có khối lượng 01 chỉ, có giá trị 5.280.000 đồng;

Tổng giá trị thiệt hại là 101.281.600 đồng.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị T thống nhất với giá trị tài sản đã mất theo kết luận của Hội đồng định giá, đã nhận lại số tài sản với tổng trị giá là 111.100.000 đồng, yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị A phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 10.181.600 đồng. Bị hại Ngô Thị H nhận lại tài sản đã mất và không có yêu cầu gì thêm.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N đã thu hồi tổng số tiền 90.450.000 đồng và số vàng bị cáo Trương Thị N đã mua và đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T.

- Tạm giữ và trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51 màu đen, số IMEI 1: 354595383806230, số IMEI 2: 35507874380623; 01 màn hình điện thoại Samsung Galaxy A51 có 02 vết nứt đã qua sử dụng cho bị hại Ngô Thị H.

- Hiện còn tạm giữ 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ, biển số 77M4-21xx, số khung VTPCH0022A024662, số máy VTT1P52FMH042289; 01 áo khoác vải thun màu xanh dương, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo phía trước, có 02 túi phía trước dưới của áo, dây kéo phía trước màu xanh dương, tay dài; 01 áo khoác vải thun màu xanh lá cây, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo màu xanh lá cây, áo dài tay có 02 túi phía trước của áo; 01 quần vải ống dài có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa

tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 áo thun ngắn tay có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng đục, có nhiều họa tiết không rõ hình màu đen, dây đeo mũ màu đen; sổ vàng giả A mang theo trong quá trình trộm cắp tài sản gồm: 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8 XURING; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu XP L9; 02 miếng bằng kim loại màu vàng, dạng tròn bị móp, cong vênh.

Đối với 01 sim điện thoại, 01 thanh sắt dài khoảng 50cm, 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu đỏ, 01 đôi dép quai kẹp dọc bằng nhựa màu đỏ, Cơ quan điều tra đã tiến hành tổ chức truy tìm nhưng kết quả không tìm thấy.

Cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Huỳnh Thị A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trương Thị N và Bùi Sĩ T về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Thị L về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Huỳnh Thị A từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Sĩ T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Thị L từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”; căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trương Thị N từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tổng hợp hình phạt 12 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

- Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo Trương Thị N 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 77M4-21xx, số khung VTHPCH0022A024662, số máy VTT1P52FMH042289.

+ Tịch thu tiêu huỷ các công cụ liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng: 01 áo khoác vải thun màu xanh dương, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo phía trước, có 02 túi phía trước dưới của áo, dây kéo phía trước màu xanh dương, tay dài; 01 áo khoác vải thun màu xanh lá cây, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo màu xanh lá cây, áo dài tay có 02 túi phía trước của áo; 01 quần vải ống dài có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 áo thun ngắn tay có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng đục, có nhiều họa tiết không rõ hình màu đen, dây đeo mũ màu đen; sổ vàng giả A mang theo trong quá trình trộm cắp tài sản gồm: 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8 XURING; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu XP L9; 02 miếng bằng kim loại màu vàng, dạng tròn bị móp, cong vênh.

- Ý kiến của bị hại bà Nguyễn Thị T, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại tài sản và số tiền với tổng giá trị 111.100.000 đồng, bà T yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị A phải tiếp tục bồi thường cho bà T số tiền 10.181.600 đồng, ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của bị hại Ngô Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Trong tháng 5/2023, bị cáo Huỳnh Thị A đi từ huyện A đến địa bàn thị xã N để trộm cắp tài sản. Cụ thể:

- Ngày 06/5/2023, tại nhà bà Ngô Thị H ở Khu phố T, phường B, thị xã N, tỉnh Bình Định, bị cáo A đã lén lút chiếm đoạt của bà H 01 điện thoại di

động và 01 sim điện thoại trị giá 1.550.000 đồng; sau khi chiếm đoạt, bị cáo A mang về cho bị cáo Bùi Sĩ T là chồng của bị cáo A sử dụng, bị cáo T không biết điện thoại do bị cáo A trộm được mà có.

- Ngày 08/5/2023, tại nhà của bà Nguyễn Thị T tại thôn A, xã C, thị xã N, bị cáo A lén lút chiếm đoạt tài sản của bà T gồm vàng và tiền với tổng giá trị là 121.281.600 đồng. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo A đưa tiền cho bị cáo Bùi Thị L cất giấu, đưa vàng cho các bị cáo Trương Thị N và Bùi Sĩ T bán. Các bị cáo L, N và T biết tài sản do bị cáo A trộm được mà có.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung của Cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo, các bị hại, người tham gia tố tụng khác và với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo Huỳnh Thị A phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Bùi Sĩ T và Trương Thị N phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Bùi Thị L phạm vào tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật, để răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Bùi Sĩ T và Bùi Thị L không có tình tiết tăng nặng.
- Các bị cáo Huỳnh Thị A và Trương Thị N chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo T, L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; vì vậy, các bị cáo A và N được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo L và T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo T và L có nhân thân tốt.

[6] Về quyết định hình phạt đối với các bị cáo:

[6.1] Đối với bị cáo Huỳnh Thị A: Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Trương Thị N phạm tội mới trong thời gian thử thách; bị cáo Bùi Sĩ T là chồng của bị cáo A, biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nhưng vẫn sử dụng và giúp bị cáo A tiêu thụ mà không có hành động khuyên can, giáo dục hay ngăn chặn bị cáo, điều đó đã cổ vũ tinh thần để bị cáo A phạm tội; do đó, cần phải có một mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa tội phạm chung.

[6.2] Đối với bị cáo Bùi Thị L, bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, con của bị cáo còn nhỏ, do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe.

[7] Về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trương Thị N: Bị cáo Trương Thị N phạm tội mới khi đang chấp hành 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, vì vậy, cần phải tổng hợp hình phạt tù đối với bị cáo N.

[8] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

[8.1] Đối với bà Ngô Thị H: Bà H đã nhận lại tài sản, không còn yêu cầu nên không xét.

[8.2] Đối với bà Nguyễn Thị T: Bà T bị thiệt hại tài sản với tổng giá trị 121.281.600 đồng, bà T đã được trả lại tài sản với tổng giá trị 111.100.000 đồng, còn lại, bà T yêu cầu bị cáo Huỳnh Thị A phải bồi thường cho bà T số tiền 10.181.600 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo A thống nhất với yêu cầu của bà T, do đó, buộc bị cáo A bồi thường cho bà T số tiền 10.181.600 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N) như sau:

[9.1] Tịch thu tiêu hủy các công cụ liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng: 01 áo khoác vải thun màu xanh dương, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo phía trước, có 02 túi phía trước dưới của áo, dây kéo phía trước màu xanh dương, tay dài; 01 áo khoác vải thun màu xanh lá cây, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo màu xanh lá cây, áo dài tay có 02 túi phía trước của áo; 01 quần vải ống dài có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 áo thun ngắn tay có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây

đậm, nhạt và trắng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng đục, có nhiều họa tiết không rõ hình màu đen, dây đeo mũ màu đen; số vàng giả A mang theo trong quá trình trộm cắp tài sản gồm: 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8 XURING; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu XP L9; 02 miếng bằng kim loại màu vàng, dạng tròn bị móp, cong vênh.

[9.2] Trả lại cho bị cáo Trương Thị N 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 77M4-21xx, số khung VTHPCH0022A024662, số máy VTT1P52FMH042289.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N về mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; riêng đề nghị tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thị A là không đúng theo quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Huỳnh Thị A, Bùi Sĩ T và Bùi Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật; bị cáo Trương Thị N thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Thị A;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Thị N;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Sĩ T;

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị L;

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; các bị cáo Trương Thị N và Bùi Sĩ T phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; bị cáo Bùi Thị L phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị A 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, bắt tạm giam, ngày 09/5/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Trương Thị N 09 (chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 26/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.3 Xử phạt bị cáo Bùi Sĩ T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2.4 Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/01/2024.

Giao bị cáo Bùi Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện A, tỉnh Bình Định quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

3.1 Bị hại Ngô Thị H không còn yêu cầu nên không xét.

3.2 Buộc bị cáo Huỳnh Thị A phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 10.181.600 (mười triệu một trăm tám mươi một nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N) như sau:

4.1 Tịch thu tiêu hủy các công cụ liên quan đến việc phạm tội không còn giá trị sử dụng: 01 áo khoác vải thun màu xanh dương, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo phía trước, có 02 túi phía trước dưới của áo, dây kéo phía trước màu xanh dương, tay dài; 01 áo khoác vải thun màu xanh lá cây, không có họa tiết có mũ trùm đầu, có dây kéo màu xanh lá cây, áo dài tay có 02 túi phía

trước của áo; 01 quần vải ống dài có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 áo thun ngắn tay có họa tiết hình hoa màu xanh lá cây, vải có nhiều họa tiết với các màu xanh lá cây đậm, nhạt và trắng; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu, màu trắng đục, có nhiều họa tiết không rõ hình màu đen, dây đeo mũ màu đen; số vàng giả A mang theo trong quá trình trộm cắp tài sản gồm: 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8 XURING; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu L8; 01 nhẫn trơn bằng kim loại màu vàng, có ký hiệu XP L9; 02 miếng bằng kim loại màu vàng, dạng tròn bị móp, cong vênh.

4.2 Trả lại cho bị cáo Trương Thị N 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 77M4-21xx, số khung VTHPCH0022A024662, số máy VTT1P52FMH042289.

5. Án phí sơ thẩm:

5.1 Án phí hình sự: Các bị cáo Huỳnh Thị A, Bùi Sĩ T và Bùi Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí để sung ngân sách Nhà nước; bị cáo Trương Thị N được miễn.

5.2 Án phí dân sự: Bị cáo Huỳnh Thị A phải chịu 509.000 (năm trăm lẻ chín nghìn) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai, hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã N;
- Nhà Tạm giữ Công an thị xã N;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã N;
- Các bị cáo, các bị hại;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thị xã N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích